TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HC-ST
Ngày 18-6-2019
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành, bà Tề Thị Thanh.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk*:** Bà Hồ Thị Mỹ Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số:116/2018/TLST-HC ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc *"Khiếu kiện Quyết định hành chính, Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14a/2019/QĐXXST-HC ngày 11/4/2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1.Ông Đặng Xuân B; địa chỉ: Phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

1.2. Ông Trần Thế D; địa chỉ: Phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B, ông D: Ông Nguyễn Bá N; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Q, tỉnh Bình Thuận (Có mặt).

2. **Người bị kiện**:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Đường LD, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn H - Chức vụ: Phó chủ tịch. (Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2018; vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Trần Văn S - Phó giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường (Vắng mặt).

2.2. Ủy ban nhân dân thị xã B1; địa chỉ: Phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phú L - Chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã B1 (Có mặt);

2.3 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B1- Ông Phạm Phú L; địa chỉ: Phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị H2.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà H2: Ông Trần Thế D;

Địa chỉ: Phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk.

(Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2018- Có mặt);

3.2.Bà Nguyễn Thị L1.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà L1: Ông Đặng Xuân B;

Địa chỉ: Phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk.

(Văn bản ủy quyền ngày 24/12/2018- Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Đặng Xuân B và là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Ngày 29/11/2016, UBND thị xã B1 ban hành Quyết định số 5059/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.312,8m^2 đất của gia đình tôi đang sử dụng tại phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk và bồi thường số tiền 607.175.000 đồng. Tôi đã làm đơn khiếu nại đối với 03 vấn đề, một là giá đất không hợp lý, hai là có sai phạm khi đơn vị thẩm định tiến hành thẩm định không có mặt của người có đất bị thu hồi, ba là khoản hỗ trợ 1.5 không hợp lý. Qua quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thị xã B1 (QĐ số 1677) đã không chấp nhận nội dung khiếu nại của tôi. Vì vậy, tôi tiếp tục làm đơn khiếu nại. Ngày 24/7/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã B1. Nhận thấy quyết định số 5034 ngày 29/11/2016 của UBND thị xã B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với gia đình tôi là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình tôi; các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã B1 và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk chưa giải quyết đầy đủ các yêu cầu khiếu nại của tôi. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiên yêu cầu những nội dung sau:

- Hủy Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Giải quyết nội dung khiếu nại của ông Đặng xuân B, trú tại: Phường A, thị xã B1 (Gọi tắt là : Quyết định 1677).

- Hủy Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B1 về việc Giải quyết nội dung khiếu nại của ông Đặng xuân B, trú tại: Phường A, thị xã B1 (Gọi tắt là: Quyết định 1337)

- Hủy Quyết định số 5059/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của Ủy ban nhân dân

thị xã B1 về việc thu hồi 2.312,8m^2 đất nông nghiệp của hộ ông Đặng Xuân B đang sử dụng tại phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk (Gọi tắt là: Quyết định 5059).

- Hủy một phần Quyết định số 5034/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Dự án: Khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A; Địa điểm: Phường A, thị xã B1 (Gọi tắt là: Quyết định 5034).

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Trần Thế D và là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Ngày 24/11/2016, UBND thị xã B1 ban hành Quyết định số 5053/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 5.907,1m^2 của gia đình tôi đang sử dụng tại phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk và bồi thường số tiền 1.264.186.000 đồng. Tôi đã làm đơn khiếu nại đối với 03 vấn đề, một là giá đất không hợp lý, hai là có sai phạm khi đơn vị thẩm định tiến hành thẩm định không có mặt của người bị thu hồi, ba là khoản hỗ trợ 1.5 không hợp lý. Qua quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thị xã B1 (QĐ số 1536) đã giải quyết vấn đề thứ ba (nâng mức hỗ trợ 1.5 lên 2 tôi đồng ý với nội dung này) nhưng hai vấn đề khác không được chấp nhận.Vì vậy, tôi tiếp tục làm đơn khiếu nại. Ngày 24/7/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1681 giải quyết khiếu nại lần 2, giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã B1.

Theo tôi tại điểm c khoản 1 Điều 2 Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 05/01/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk nêu rõ " Sau khi dự án được phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm lập phương án giải phóng mặt bằng, phương án tái định cư và hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm cho người lao động ở khu vực giải phóng mặt bằng". Như vậy, việc xác định giá đất bồi thường căn cứ Luật kinh doanh bất động sản phải do chủ đầu tư thỏa thuận với người có đất bị thu hồi chứ không phải do UBND thị xã B1 lập phương án phê duyệt bồi thường.

Nhận thấy Quyết định số 5034 ngày 29/11/2016 của UBND thị xã B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với gia đình tôi là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình tôi, Quyết định 5053 về việc thu hồi đất của gia đình tôi; các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã B1 và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk chưa giải quyết đầy đủ các yêu cầu khiếu nại của tôi. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiên yêu cầu những nội dung sau:

- Hủy Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Giải quyết nội dung khiếu nại của ông Trần Thế D, trú tại: Phường A, thị xã B1 (Gọi tắt là: Quyết định 1681).

- Hủy một phần Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B1về việc Giải quyết nội dung khiếu nại của ông Trần Thế D, trú tại: Phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk (Gọi tắt là: Quyết định 1536). So với đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án tôi đã có đơn đề nghị thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, quyết định 1536 đã chấp nhận 01 phần yêu cầu khiếu nại của tôi nâng mức hỗ trợ 1.5 lên 2. Vì vậy, tôi chỉ yêu cầu hủy một phần quyết định số 1536 đối với những nội dung khiếu nại không được chấp nhận.

- Hủy Quyết định số 5053/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã B1 về việc thu hồi 5.907,1m^2 đất nông nghiệp của hộ ông Trần Thế D đang sử dụng tại phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk (Gọi tắt là quyết định 5053).

- Hủy một phần Quyết định số 5034/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A; Địa điểm: Phường A, thị xã B1 liên quan đến phần đất của tôi.

Người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã B1 - đồng thời là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện UBND thị xã B1 là ông Phạm Phú L trình bày:

Thực hiện Quyết định số 4807/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND thị xã B1 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, thị xã B1. Quyết định số 4614/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND thị xã B1 về việc phê duyệt điều chỉnh Điều 1, Quyết định số 4807/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND thị xã B1 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, thị xã B1. Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của UBND tỉnh Đák Lắk về việc ban hành danh mục bổ sung dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2012-2015. Quyết định 2693/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giao chủ trương đầu tư dự án khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, thị xã B1. Quyết định 58/QĐ-UBND ngày 05/01/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc chấp thuận đầu tư dự án khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, thị xã B1. Để thực hiện dự án, UBND thị xã B1 đã ban hành Quyết định số 4042/QĐ-UBND, ngày 27/11/2015 về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, thị xã B1, Thông báo số 214/TB-UBND, ngày 30/11/2015 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án.

Đối với hộ ông Đặng Xuân B: Ngày 29/11/2016 UBND thị xã B1 ban hành Quyết định 5059/QĐ-UBND thu hồi 2.312,8m^2 đất nông nghiệp của hộ ông Đặng Xuân B để thực hiện dự án và cùng ngày 29/11/2016 UBND thị xã B1 ban hành Quyết định 5034/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, địa điểm: Phường A, thị xã B1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 64 hộ dân là: 61.894.819.000 đồng, trong đó hộ ông Đặng Xuân B được bồi thường, hỗ trợ: 607.175.000 đồng. Trong đó:

Bồi thường, hỗ trợ về đất: 513.490.000 đồng

Nhà ở, vật kiến trúc: 3.312.000 đồng

Cây trồng trên đất: 90.375.000 đồng

Ngày 09/01/2017 ông Đặng Xuân B khiếu nại Quyết định 5034/QĐ-UBND của UBND thị xã B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, thị xã B1với các nội dung:

Về giá đất tại khu vực đất của gia đình ông cách đây một năm ông Đặng Văn T1 bán 01 sào là 300.000.000 đồng, nhưng nay bồi thường cho gia đình ông 01 sào 120.000.000đ là quá thấp so với giá thị trường.

Về giá cây trồng bồi thường không sát với thực tế, cụ thể tiêu trồng năm 2013 bồi thường 270.000đ/ 01 trụ bằng 60% giá cây trồng do vượt mật độ là không phù hợp, hỗ trợ công di dời trụ tiêu bê tông vượt mật độ 36.000đ/01 trụ là thấp, yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống cho gia đình ông theo quy định.

Đối với nội dung khiếu nại của ông B thấy rằng :

-Về giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ:

Giá đất bồi thường được UBND thị xã B1 áp dụng theo hệ số điều chỉnh giá đất do Công ty cổ phần tư vấn thẩm định giá T T xây dựng dựa trên giá thị trường tại thời điểm năm 2016, được UBND thị xã cùng các Sở, ngành của tỉnh thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1288/QĐ-UBND ngày 09/5/2016.

Giá đất nông nghiệp để tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm UBND thị xã B1 áp dụng theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

-Về giá bồi thường và hỗ trợ cây trồng trên đất: UBND thị xã B1 thực hiện theo quyết định số 01/2011/QĐ-UBND, ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về giá bồi thường cây trồng hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và công văn số 9117/UBND-NN&MT ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc chủ trương bồi thường, hỗ trợ cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất tại thị xã B1.

Về cây trồng xen, trồng vượt mật độ UBND thị xã B1 thực hiện theo công văn số 4189//UBND-NN&MT ngày 31/5/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc chủ trương hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất quy định đối với cây trồng xen, trồng vượt mật độ mức hỗ trợ bằng 60% đơn giá cây trồng quy định tại Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND, ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

-Về hỗ trợ công di dời trụ tiêu bê tông, UBND thị xã B1 đã áp dụng theo Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND, ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về giá bồi thường cây trồng, hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Về việc hỗ trợ ổn định đời sống thì thấy: Hộ ông B có 05 khẩu, tổng diện tích đất nông nghiệp là 10.000m^2, diện tích đất nông nghiệp ông B bị thu hồi 2.312,8m^2, bằng 22,4 % diện tích gia đình đang sử dụng. Theo điểm a khoản 1 Điều 17 Quyết định 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh quy định: Thu hồi 30-70% diện tích đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định đời sống,

trường hợp ông B diện tích đất bị thu hồi dưới 30% nên không thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống.

Từ những căn cứ nêu trên nên khiếu nại của ông B là không có cơ sở, ngày 15/5/2017 Chủ tịch UBND thị xã B1 ban hành Quyết định số 1337/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Đặng Xuân B. Không thống nhất nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã B1. Ngày 08/6/2017, ông Đặng Xuân B có đơn khiếu nại Quyết định 1337/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã B1đến Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Ngày 24/7/2018, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1677/QĐ-UBND, không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Đặng Xuân B, trú tại: Phường A, thị xã B1 khiếu nại Quyết định 1337/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã B1. Thống nhất và giữ nguyên nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND thị xã B1 tại Quyết định 1337/QĐ-UBND ngày 15/5/2017.

Ngày 22/8/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất đã mời hộ ông Đặng Xuân B lên nhận tiền bồi thường nhưng đến nay gia đình ông B vẫn chưa nhận tiền và có đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đối với hộ ông Trần Thế D:

Ngày 29/11/2016 UBND thị xã B1 ban hành Quyết định 5053/QĐ-UBND thu hồi 5.907,1m^2 đất nông nghiệp của hộ ông Trần Thế D để thực hiện dự án và cùng ngày 29/11/2016 UBND thị xã B1 ban hành Quyết định 5034/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, địa điểm: Phường A, thị xã B1.Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 64 hộ dân là: 61.894.819.000 đồng**,** hộ ông Trần Thế D được bồi thường, hỗ trợ: 1.264.186.000 đồng *(Một tỷ, hai trăm sáu mươi tư triệu, một trăm tám mươi sáu ngàn đồng)*. Trong đó:

Bồi thường, hỗ trợ về đất: 1.035.987.000 đồng

Nhà ở, vật kiến trúc: 57.970.000 đồng

Cây trồng trên đất: 159.085.000 đồng

Ngày 05/01/2017 ông Trần Thế D có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thị xã B1, khiếu nại Quyết định 5034/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND thị xã B1 với các nội dung:

Giá đất quá thấp theo bảng công khai thì vừa đền bù + hỗ trợ là 175.000.000đ/1sào, trong khi giá thị trường 400.000.000đ/sào đất trắng

Giá cây tiêu phủ trụ bồi thường 107.000đ/trụ, công di chuyển 60.000đ/trụ là không tương xứng.

Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề hệ số 1,5 là thiệt thòi cho gia đình ông.

Tổng diện tích thu hồi lần sau chênh lệch so với trước là 600m^2 nên số lượng cây trồng trên đất tăng nhưng chưa được tính trong bảng giá đền bù.

Đối với nội dung khiếu nại của ông D thấy rằng:

Về giá đất nông nghiệp: UBND thị xã B1 áp dụng theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, trong đó có nhân với hệ số 1,66, do công ty cổ phần tư vấn thẩm định giá T T xây dựng dựa trên giá thị trường tại thời điểm năm 2016, được UBND thị xã cùng các Sở, ngành của tỉnh thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định 1288/QĐ-UBND ngày 09/5/2016.

Về giá cây trồng trên đất: UBND thị xã B1 đã thực hiện theo Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND, ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định về giá bồi thường cây trồng, hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và công văn số 9117/UBND-NN&MT ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về chủ trương bồi thường, hỗ trợ cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất tại thị xã B1.

Đối với cây trồng xen, trồng vượt mật độ thực hiện theo công văn 4189/UBND-NN&MT ngày 31/5/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc chủ trương hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất quy định đối với cây trồng xen, trồng vượt mật độ mức hỗ trợ bằng 60% đơn giá cây trồng quy định tại Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND, ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Về khiếu nại mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 1,5 lần giá đất nông nghiệp do UBND tỉnh ban hành là thiệt thòi cho gia đình ông là có cơ sở để xem xét giải quyết. Theo khoản 2 Điều 6 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định: *Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện cụ thể tại địa phương quy định mức hỗ trợ cho phù hợp*. Theo kết quả xác minh hộ ông D có con là Trần Thị K1 đang làm hợp đồng có thời hạn 01 năm tại phòng Tài nguyên và môi trường huyện K2. Như vậy, con ông D không phải là cán bộ công chức không thuộc đối tượng điều chỉnh tại khoản 2 Điều 6 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 18, Quyết định 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì mức hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

Việc ông D khiếu nại tổng diện tích thu hồi lần sau chênh lệch so với trước là 600m^2 nên số lượng cây trồng trên đất tăng nhưng chưa được tính trong bảng giá đền bù là không có cơ sở, vì lần đầu là thông báo thu hồi thửa đất diện tích ước

khoảng nên số liệu chưa chính xác. Sau khi có thông báo đơn vị tư vấn tiến hành đo đạc trích lục diện đất thu hồi nên diện tich theo phương án đã phê duyệt không trùng khớp với diện tích thông báo thu hồi đất. Hiện nay diện tích đất của ông D thu hồi thực tế nhỏ hơn so với diện tích đất thu hồi tại Quyết định số 5053/QĐ-UBND của UBND thị xã B1 là 451,3m^2 vì, vị trí thu hồi đất của ông D nằm ở giao điểm của 2 trục đường N8 và trục N5, theo thiết kế tại vị trí trên có các điểm chờ đầu nối nhưng biên bản giao đất của Sở Tài nguyên môi trường thì không có các điểm chờ đầu nối, khi thực hiện kiểm kê tài sản chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất thống nhất với đơn vị chủ đầu tư không thực hiện kiểm kê phần tài sản tại điểm chờ đầu nối. Trong quá trình đo đạc thu hồi đất, đơn vị tư vấn thực hiện việc lồng ghép bản thiết kế quy hoạch lên kết quả đo đạc để trích lục thu hồi đất thì không thực hiện việc cắt giảm diện tích phần điểm chờ đầu nối.

Từ những căn cứ nêu trên ngày 26/5/2017, Chủ tịch UBND thị xã B1 ban hành Quyết định 1536/QĐ-UBND chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của ông Trần Thế D. Không thống nhất nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã B1. Ngày 11/6/2017, ông Trần Thế D có đơn khiếu nại Quyết định 1536/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã B1đến Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Ngày 24/7/2018, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1681/QĐ-UBND. Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Trần Thế D, trú tại: phường A, thị xã B1 khiếu nại Quyết định 1536/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã B1. Thống nhất và giữ nguyên nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND thị xã B1 tại Quyết định 1536/QĐ-UBND ngày 26/5/2017.

Ngày 22/8/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất đã mời hộ ông Trần Thế D lên nhận tiền bồi thường nhưng đến nay gia đình vẫn chưa nhận tiền và có đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Quan điểm của UBND thị xã B1 và Chủ tịch UBND thị xã B1: Việc tổ chức kiểm đếm, điều tra, khảo sát xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 64 hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có đất nằm trong phạm vi thu hồi đất để xây dựng công trình khu đô thị Đông nam đường Đ là đảm bảo theo đúng quy định của Luật Đất đai hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người có đất bị thu hồi. UBND thị xã B1 có đầy đủ căn cứ pháp lý về việc thực hiện dự án khu đô thị Đông Nam đường Đ và các căn cứ pháp lý trong việc thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Quá trình lập, phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường đã được thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật, đến nay, trong số 64 hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có đất thuộc dự án khu đô thị Đông Nam đã có 59 hộ gia đình, cá nhân nhận tiền bồi thường, còn 04 hộ gia đình cá nhân, 01 tổ chức trong đó có hộ ông B, ông D là chưa nhận tiền bồi thường.

Đối với khiếu nại của ông Đặng Xuân B, ông Trần Thế D, việc giải quyết khiếu nại của hai ông đã được Chủ tịch UBND thị xã B1 giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục. Tại quyết định giải quyết khiếu nại lần 02 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk

Lắk cũng đã giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã B1.

Do đó, những nội dung khởi kiện của ông Đặng Xuân B, ông Trần Thế D là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Tuấn H- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk trình bày:

Đối với ông Đặng Xuân B: Nội dung khiếu nại của ông Đặng Xuân B đã được Chủ tịch UBND thị xã B1 giải quyết tại Quyết định số 1337 ngày 15/5/2017. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu, ông B tiếp tục khiếu nại.

Về khiếu nại đối với giá đất bồi thường, hỗ trợ; bồi thường và hỗ trợ cây trồng; hỗ trợ công di dời trụ bê tông; hỗ trợ ổn định cuộc sống đã được Chủ tịch UBND thị xã B1 giải quyết đúng quy định của pháp luật và dựa trên các căn cứ cụ thể, do không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, ngày 24/7/2018 Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định số 1677/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Đặng Xuân B với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông B, giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã B1.

Về việc ông Đặng Xuân B làm đơn khởi kiện yêu cầy hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Trần Thế D: Nội dung khiếu nại của ông Trần Thế D đã được Chủ tịch UBND thị xã B1 giải quyết tại Quyết định số 1536 ngày 26/5/2017. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu, ông D tiếp tục khiếu nại.

Về khiếu nại đối với giá đất bồi thường, hỗ trợ; bồi thường và hỗ trợ cây trồng; hỗ trợ công di dời trụ bê tông; hỗ trợ ổn định cuộc sống đã được Chủ tịch UBND thị xã B1 giải quyết đúng quy định của pháp luật và dựa trên các căn cứ cụ thể, do không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, ngày 24/7/2018, chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 1681/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Trần Thế D, với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông D, giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã B1.

Về việc ông Trần Thế D làm đơn khởi kiện yêu cầy hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D, ông B trình bày:

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và lần hai của Chủ tịch UBND thị xã B1 và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk giải quyết khiếu nại của ông D, ông B đều vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại.

Việc UBND thị xã B1 thu hồi đất của ông B, ông D là không đúng quy định của pháp luật, vì việc thu hồi đất không vì mục đích Quốc phòng, an ninh, không vì mục đích phát triển kinh tế xã hội, không vì lợi ích quốc gia, công cộng mà thu

hồi đất giao cho nhà đầu tư bán lại sinh lời. Như vậy, khi thu hồi đất nhà đầu tư phải thỏa thuận với người dân có đất bị thu hồi để thực hiện việc bồi thường chứ không phải UBND thị xã B1 phê duyệt phương án bồi thường.

Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết phải do UBND tỉnh phê duyệt nhưng UBND thị xã B1 căn cứ Quyết định số 4807/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND thị xã B1 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, thị xã B1 là không đúng.

Quyết định thu hồi đất sai căn cứ kế hoạch sử dụng đất, thu hồi đất năm 2016 nhưng áp dụng Nghị quyết 139/NQ- HĐND là không phù hợp, kế hoạch sử dụng đất phải trong năm 2016 chứ không phải của năm 2015, nhưng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2016 không có quy hoạch khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, thị xã B1.

Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D và ông B đều ghi cá nhân vợ chồng ông D và ông B không ghi hộ gia đình nhưng khi thu hồi đất ghi thu hồi đất của hộ gia đình ông D, ông B là không đúng và thông báo thu hồi đất không giao cho người dân nên không đúng trình tự, thủ tục.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, ông B.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên toà:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Xuân B, ông Trần Thế D về việc yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 24/7/2018, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Giải quyết nội dung khiếu nại của ông Đặng xuân B, trú tại: Phường A, thị xã B1;

- Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 26/5/2017, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B1 về việc Giải quyết nội dung khiếu nại của ông Đặng xuân B, trú tại: Phường A, thị xã B1.

- Quyết định số 5059/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã B1 về việc thu hồi 2.312,8m^2 đất nông nghiệp của hộ ông Đặng Xuân B tại phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 24/7/2018, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Giải quyết nội dung khiếu nại của ông Trần Thế D, trú tại: Đường Đ, phường A, thị xã B1.

- Một phần Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 26/5/2017, của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân thị xã B1 về việc Giải quyết nội dung khiếu nại của ông Trần Thế D, trú tại: Phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk

- Quyết định số 5053/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã B1 về việc thu hồi 5.907,1m^2 đất nông nghiệp của hộ ông Trần Thế D tại phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk.

- Một phần Quyết định số 5034/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A; Địa điểm: Phường A, thị xã B1 liên quan đến phần đất của ông B, ông D.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Các Quyết định 1677, 1681 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định 1337, 1536 của Chủ tịch UBND thị xã B1; các Quyết định 5053, 5059, 5034 của UBND thị xã B1 là các quyết định hành chính làm phát sinh quyền, lợi ích hợp pháp của ông Đặng Xuân B, ông Trần Thế D. Nên ông B, ông D có quyền khởi kiện ra Tòa án để bảo vệ quyền lợi cho mình theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.Việc khởi kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Duy T3 tham gia giải quyết vụ án với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Đắk Lắk với chức danh Công chức sở Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T3 cho rằng, ông đang là cán bộ Thanh tra. Vì vậy, theo quy định của pháp luật ông T3 không được tiếp tục tham gia trong vụ án với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của chủ tịch UBND thị xã B1 và Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lăk.

Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định 1337, 1677:

Sau khi UBND thị xã B1 ban hành quyết định 5034/QĐ-UBND, ngày 29/11/2016, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ngày 09/01/2017,ông B có đơn khiếu nại đối với quyết định trên đến Chủ tịch UBND thị xã B1. Sau khi thụ lý đơn khiếu nại Chủ tịch UBND thị xã B1 tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại là đúng quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật khiếu nại. Đến ngày 15/5/2017, Chủ tịch UBND thị xã B1 mới ban hành Quyết định số 1337/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại của ông Đặng Xuân B là vi phạm

về thời hạn giải quyết khiếu nại. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại trên của Chủ tịch UBND thị xãB1, ngày 08/6/2017, ông B khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.Sau khi thụ lý đơn,Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại lần 2 là đúng quy định tại Điều 38, Điều 39 Luật khiếu nại. Đến ngày 24/7/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định 1677/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại của ông B là vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại. Các lần giải quyết khiếu nại đều vi phạm về thời hạn. Tuy nhiên, việc vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại nên cần rút kinh nghiệm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại thì Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính của mình; Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính của Chủ tịch UBND cấp huyện. Vì vậy, các Quyết địnhsố 1337/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của chủ tịch UBND thị xã B1 và Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền.

Về nội dungcác quyết định 1337, 1677:

Đối với quyết định 1337: Ông B khiếu nại Quyết định số 5034/QĐ-UBND, ngày 29/11/2016, của UBND thị xã B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu đô thị Đông Nam, đường Đ, phường A với 4 nội dung: Về giá đất tại khu vực đất của gia đình ông cách đây một năm ông Đặng Văn T1 bán 01 sào là 300.000.000 đồng, nhưng nay bồi thường cho gia đình ông 01 sào 120.000.000đ là quá thấp so với giá thị trường.Về giá cây trồng bồi thường không sát với thực tế: Cụ thể, tiêu trồng năm 2013 bồi thường 270.000đ/ 01 trụ bằng 60% giá cây trồng do vượt mật độ là không phù hợp, hỗ trợ công di dời trụ tiêu bê tông vượt mật độ 36.000đ/01 trụ là thấp, yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống cho gia đình ông theo quy định, xét yêu cầu của ông B thì thấy:

Đối với nội dung khiếu nại của ông B cho rằng, giá bồi thường về đất cho gia đình ông thấp so với giá thị trường: Theo biên bản kiểm kê thì diện tích đất của ông B bị thu hồi là 2.312,8m^2 đất nông nghiệp với số tiền bồi thường, hỗ trợ là 513.490.000 đồng. Trong đó, bồi thường về đất 428.109.000đ; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 85.381.000 đồng. Giá bồi thường được UBND thị xã B1 áp dụng theo hệ số điều chỉnh giá đất do Công ty cổ phần tư vấn thẩm định giá T T xây dựng dựa trên giá thị trường tại thời điểm năm 2016, được UBND thị xã cùng các Sở, ngành của tỉnh thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1288/QĐ-UBND ngày 09/5/2016. Giá đất nông nghiệp để tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, UBND thị xã B1 áp dụng theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, giá đất bồi thường cho ông B đã được xây dựng dựa trên giá thị trường tại thời điểm năm 2016, được UBND thị xã B1 và các Sở, ngành của tỉnh thẩm định trình UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt là đúng trình tự, thủ tục. Do vậy, khiếu nại của ông B về nội dung này là không có căn cứ.

Đối với nội dung khiếu nại về giá bồi thường và hỗ trợ cây trồng:

Giá bồi thường và hỗ trợ cây trồng cho ông B được UBND thị xã B1 thực hiện theo quyết định số 01/2011/QĐ-UBND, ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về giá bồi thường cây trồng hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và công văn số 9117/UBND-NN&MT ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc chủ trương bồi thường, hỗ trợ cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất tại thị xã B1. Đối với cây trồng xen, trồng vượt mật độ UBND thị xã B1 thực hiện theo công văn số 4189//UBND-NN&MT ngày 31/5/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc chủ trương hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất quy định đối với cây trồng xen, trồng vượt mật độ mức hỗ trợ bằng 60% đơn giá cây trồng quy định tại Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND, ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Việc bồi thường và hỗ trợ về cây trồng trên đất UBND thị xã B1 đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với nội dung khiếu nại về hỗ trợ công di dời trụ tiêu bê tông, UBND thị xã B1 đã áp dụng theo Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND, ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về giá bồi thường cây trồng, hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định.

Về việc hỗ trợ ổn định đời sống thì thấy:Hộ ông B có 05 khẩu, tổng diện tích đất nông nghiệp là 10.000m^2, diện tích đất nông nghiệp ông B bị thu hồi 2.312,8m^2, bằng 22,4 % diện tích gia đình đang sử dụng. Theo điểm a khoản 1 Điều 17 Quyết định 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh quy định: Thu hồi 30-70% diện tích đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định đời sống, trường hợp ông B diện tích đất bị thu hồi dưới 30% nên không thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống.

-Đối với quyết định 1677: Do ông B khiếu nại Quyết định số 5034/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không có cơ sở nên Quyết định 1677 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận khiếu nại của ông B giữ nguyên quyết định 1337/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thị xã B1 là có căn cứ.

Từ những phân tích trên cần bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Xuân B về việc hủy các Quyết định 1337/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thị xã B1 và Quyết định 1677/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông B về việc hủy Quyết định 5059/QĐ-UBND của UBND thị xã B1 về việc thu hồi đất.

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013 thì UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư. Căn cứ quy định nêu trên thì UBND thị xã B1 ban hành Quyết định số 5059/QĐ-UBND thu hồi đất của ông B là đúng thẩm quyền.

- Về nội dung: Việc thu hồi đất của ông Đặng Xuân B nhằm xây dựng khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, thị xã B1, căn cứ quy định tại điểm d khoản 3

Điều 62 và Điều 63 Luật Đất đai năm 2013 thì UBND thị xã B1 thu hồi đất của ông B để xây dựng dự án khu đô thị mới là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, việc UBND thị xã B1 ban hành quyết định 5059/QĐ-UBND thu hồi đất của ông B là đúng quy định của pháp luật. Nên yêu cầu của ông B về việc hủy Quyết định 5059/QĐ-UBND của UBND thị xã B1 về việc thu hồi đất là không có cơ sở.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông D yêu cầu hủy 01 phần quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã B1 và Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lăk về giải quyết khiếu nại.

Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành các Quyết định 1536, 1681:

Ngày 29/11/2016, UBND thị xã B1 ban hành Quyết định số 5034/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư. Đến ngày 05/01/2017, ông D có đơn khiếu nại đối với quyết định trên. Sau khi thụ lý đơn Chủ tịch UBND thị xã B1 tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại là đúng quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật khiếu nại. Đến ngày 26/5/2017 Chủ tịch UBND thị xã B1 mới ban hành Quyết định số 1536/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại của ông Trần Thế D là vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 11/6/2017, ông D khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Sau khi thụ lý đơn Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại lần 2 là đúng quy định tại Điều 38, Điều 39 Luật khiếu nại, đúng trình tự, thủ tục. Đến ngày 24/7/2018 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định 1681/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại của ông D là vi phạm về thời hạn trả lời khiếu nại. Các lần giải quyết khiếu nại đều vi phạm về thời hạn. Tuy nhiên, việc vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại nên cần rút kinh nghiệm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại thì Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính của mình; Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính của Chủ tịch UBND cấp huyện. Vì vậy, các Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã B1 và Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về giải quyết khiếu nại ban hành đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền.

Về nội dung các Quyết định 1536, 1681:

-Đối với Quyết định 1536: Ông D khiếu nại Quyết định số 5034/QĐ-UBND, ngày 29/11/2016 của UBND thị xã B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu đô thị Đông Nam, đường Đ, phường A với 4 nội dung: Giá bồi thường về đất cho gia đình ông thấp so với giá thị trường, giá cây

tiêu phủ trụ bồi thường 107.000đ/trụ, công di chuyển 60.000đ/trụ là không tương xứng so với hiệu quả kinh tế nó mang lại, mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 1,5 lần giá đất nông nghiệp do UBND tỉnh ban hành là thiệt thòi cho gia đình ông, tổng diện tích thu hồi lần sau chênh lệch so với trước là 600m^2 nên số lượng cây trồng trên đất tăng nhưng chưa được tính trong bảng giá đền bù. Xét yêu cầu của ông D thì thấy rằng:

Đối với nội dung khiếu nại của ông D cho rằng giá bồi thường về đất cho gia đình ông thấp so với giá thị trường: Giá bồi thường đã được UBND thị xã B1 áp dụng theo hệ số điều chỉnh giá đất do Công ty cổ phần tư vấn thẩm định giá TT xây dựng dựa trên giá thị trường tại thời điểm năm 2016, được UBND thị xã cùng các Sở, ngành của tỉnh thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định 1288/QĐ-UBND ngày 09/5/2016. Giá đất nông nghiệp để tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, UBND thị xã B1 áp dụng theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, giá đất bồi thường cho ông D đã được xây dựng dựa trên giá thị trường tại thời điểm năm 2016, được UBND thị xã B1 và các Sở, nghành của tỉnh thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt là đúng trình tự thủ tục. Do vậy, khiếu nại của ông D về nội dung này là không có căn cứ.

Đối với khiếu nại giá cây tiêu phủ trụ bồi thường 107.000đ/trụ, công di chuyển 60.000đ/trụ là không tương xứng thì thấy UBND thị xã B1 đã căn cứ Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND, ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định về giá bồi thường cây trồng, hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và công văn số 9117/UBND-NN&MT ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về chủ trương bồi thường hỗ trợ cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất tại thị xã B1, trong đó đã điều chỉnh nâng giá bồi thường đối với một số loại cây trồng chủ yếu. Như vậy, cây tiêu trồng trụ bê tông chăm sóc năm thứ hai loại A giá 107.000đ/ cây và hỗ trợ di dời trụ là 60.000/trụ là đúng quy định.

Về khiếu nại mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 1,5 lần giá đất nông nghiệp do UBND tỉnh ban hành là thiệt thòi cho gia đình ông là có cơ sở để xem xét giải quyết. Theo khoản 2 Điều 6 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định: *Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời*

sống và sản xuất, được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện cụ thể tại địa phương quy định mức hỗ trợ cho phù hợp. Theo kết quả xác minh hộ ông D có con là Trần Thị K1 đang làm hợp đồng có thời hạn 01 năm tại phòng Tài nguyên và môi trường huyện K2. Như vậy, con ông D không phải là cán bộ công chức không thuộc đối tượng điều chỉnh tại khoản 2 Điều 6 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 18, Quyết định 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì mức hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

Đối với khiếu nại của ông D tổng diện tích thu hồi lần sau chênh lệch so với lần trước là 600m^2 nên số lượng cây trồng trên đất tăng nhưng chưa được tính trong bảng giá đền bù thì thấy rằng, diện tích đất của ông D thu hồi thực tế nhỏ hơn so với diện tích đất thu hồi tại Quyết định số 5053/QĐ-UBND của UBND thị xã B1 là 451,3m^2 vì, vị trí thu hồi đất của ông D nằm ở giao điểm của 2 trục đường N8 và trục N5, theo thiết kế tại vị trí trên có các điểm chờ đầu nối nhưng biên bản giao đất của Sở Tài nguyên môi trường thì không có các điểm chờ đầu nối, khi thực hiện kiểm kê tài sản chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất thống nhất với đơn vị chủ đầu tư không thực hiện kiểm kê phần tài sản tại điểm chờ đầu nối. Trong quá trình đo đạc thu hồi đất, đơn vị tư vấn thực hiện việc lồng ghép bản thiết kế quy hoạch lên kết quả đo đạc để trích lục thu hồi đất thì không thực hiện việc cắt giảm diện tích phần điểm chờ đầu nối. Như vậy, việc ông khiếu nại tổng diện tích thu hồi lần sau chênh lệch so với lần trước là 600m^2 nên số lượng cây trồng trên đất tăng nhưng chưa được tính trong bảng giá đền bù là không có cơ sở.

Từ những phân tích, nhận định trên Chủ tịch UBND thị xã B1 chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của ông D đối với Quyết định số 5034/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là có cơ sở.

-Đối với quyết định 1681/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại của ông D: Do ông D khiếu nại Quyết định số 5034/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không có cơ sở nên Quyết định 1681/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận khiếu nại của ông D giữ ngyên quyết định 1536/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thị xã B1 là có căn cứ.

Từ những phân tích trên cần bác yêu cầu khởi kiện của ông D yêu cầu hủy 01 phần quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của chủ tịch UBND thị xã B1 và Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lăk về giải quyết khiếu nại.

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông D về việc hủy Quyết định 5053/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND thị xã B1.

Về thẩm quyền ban hành quyết định: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013 thì UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhận cộng đồng dân cư. Căn cứ quy định nêu trên thì UBND thị xã B1 ban hành Quyết định 5053/QĐ-UBND thu hồi đất của ông D là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Việc thu hồi đất của ông Trần Thế D nhằm xây dựng khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, thị xã B1, căn cứ quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 và Điều 63 Luật Đất đai năm 2013 thì UBND thị xã B1 thu hồi đất của ông D để xây dựng dự án là đúng quy định của pháp luật. Như vậy, việc UBND thị xã B1 ban hành Quyết định 5053/QĐ-UBND thu hồi đất của ông D là đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu của ông D hủy quyết định là không có căn cứ.

[2.5] Xét yêu cầu của khởi kiện của các bị đơn ông D, ông B về việc hủy một phần Quyết định số 5034/QĐ-UBND, ngày 29/11/2016 của UBND thị xã B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu đô thị Đông Nam, đường Đ, phường A, thị xã B1 liên quan đến phần đất của ông D, ông B.

Về thẩm quyền ban hành quyết định: Các đương sự khởi kiện cho rằng, tại điểm c khoản 1 Điều 2 Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 05/01/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk nêu rõ:*"Sau khi dự án được phê duyệt chủ đầu tư có trách nhiệm lập phương án giải phóng mặt bằng, phương án tái định cư và hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm cho người lao động ở khu vực giải phóng mặt bằng"*nên chủ đầu tư phải thỏa thuận với người dân có đất bị thu hồi để thực hiện việc bồi thường chứ không phải UBND thị xã B1 lập phương án phê duyệt bồi thường thì thấy rằng, đơn vị chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và Thương mại VN ĐT không có chức năng lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.Trong trường hợp này chủ đầu tư đã hợp đồng với một đơn vị có chức năng, có nhiệm vụ lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì phương án được lập sẽ do phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các phòng chuyên môn thẩm định và trình UBND thị xã B1 phê duyệt theo đúng quy định. Vì vậy, việc đơn vị Chủ đầu tư hợp đồng với Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã B1 (theo hợp đồng số 28/HĐ-GPMB ngày 16/12/2015) để thực hiện việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, thị xã B1 là đúng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013 về thẩm quyền thu hồi đất "UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau: "a. Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư".Đối chiếu với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013 thì Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư khu đô

thị Đông Nam đường Đ, phường A; Địa điểm: Phường A, thị xã B1do UBND thị xã B1 ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Như đã phân tích tại phần nội dung các Quyết định 1337, 1677, 1536, 1681. Việc UBND thị xã B1 ban hành Quyết định số 5034/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND thị xã B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, thị xã B1 là đúng quy định của pháp luật .

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông B, ông D về việc hủy một phần Quyết định số 5034/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND thị xã B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A, thị xã B1 liên quan phần đất của ông B, ông D là không có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nhận định nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Xuân B và ông Trần Thế D là không có căn cứ nên cần bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Xuân B và ông Trần Thế D.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông B, ông D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32**;** khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tố tụng hành chính; Căn cứ khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21; Điều 29; Điều 30; Điều 38; Điều 39 Luật khiếu nại; điểm d khoản 3 Điều 62; Điều 63; điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Áp dụng Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Đặng Xuân B và ông Trần Thế D về việc yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 24/7/2018, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Giải quyết nội dung khiếu nại của ông Đặng xuân B, trú tại: phường A, thị xã B1;

- Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 26/5/2017, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B1 về việc Giải quyết nội dung khiếu nại của ông Đặng xuân B, trú tại: Phường A, thị xã B1.

- Quyết định số 5059/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã B1 về việc thu hồi 2.312,8m^2 đất nông nghiệp của hộ ông Đặng Xuân B đang sử

dụng tại phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 24/7/2018, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Giải quyết nội dung khiếu nại của ông Trần Thế D, trú tại: Đường Đ, phường A, thị xã B1.

- Một phần Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 26/5/2017, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B1về việc Giải quyết nội dung khiếu nại của ông Trần Thế D, trú tại: Phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 5053/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã B1 về việc thu hồi 5.907,1m^2 đất nông nghiệp của hộ ông Trần Thế D đang sử dụng tại phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk.

- Một phần Quyết định số 5034/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu đô thị Đông Nam đường Đ, phường A; Địa điểm: Phường A, thị xã B1 liên quan đến phần đất của ông D, ông B.

[2] Về án phí: Ông Đặng Xuân B, ông Trần Thế D mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011460 ngày 05/12/2018 do ông D nộp và biên lai số 0011461 ngày 05/12/2018 do ông B nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- Cục THADS tỉnh Đăk Lăk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Nguyễn Thị Hằng